TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Dương Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1967, có mặt.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1965, vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Vào năm 1988, chị và chồng tên Nguyễn Văn K do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp Đ, xã Đ, huyện D. Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; Nguyễn Thị V, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2003 đều đã trưởng thành. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh K có người phụ nữ khác bên ngoài, còn đánh đập chị. Vì thương các con nên chị cố gắng chịu đựng và duy trì hôn nhân với anh K. Thời gian gần đây anh K bắt đầu đánh đập chị nhiều hơn. Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- *Về con chung*: Có 04 con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn K luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh K cũng không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị T giữ nguyên yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn K dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng; về con chung đều đã trưởng thành, không có tranh chấp nên không xem xét; về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất: Không có.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K; không yêu cầu giải quyết về con, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn K không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện anh K yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh K không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh K có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn K cưới nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh Khỏe có người phụ nữ khác bên ngoài, còn đánh đập chị. Vì thương các con nên chị cố gắng chịu đựng và duy trì hôn nhân với anh K. Thời gian gần đây anh K bắt đầu đánh đập chị nhiều hơn. Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị T và anh K chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng

xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm anh chị ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh K đều vắng mặt, chị T kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh K là vợ chồng là có cơ sở.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh K chung sống với nhau có 04 con đều đã trưởng thành, chị T không có tranh chấp nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0012402 ngày 25 tháng 11 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên